TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-PT
Ngày 13 - 4 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Dung

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Ông Lê Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Bích Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long****:* Bà Lê Thị Ngọc Phấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2025 về *"Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung".*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 20/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐ-PT ngày 27/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hà Văn T, sinh ngày 01/01/1951. Địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Bị đơn: Bà Võ Thị M, sinh ngày 01/01/1951. Địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Tưởng Hoàng H, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn T - Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tài liệu chứng cứ và lời khai của nguyên đơn có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Năm 1968, ông Hà Văn T và bà Võ Thị M chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Ông bà có 03 người con chung gồm: chị Hà Thị Đ, sinh năm 1969; anh Hà Tránh T1, sinh năm 1978 và anh Hà Phước T2, sinh năm 1983. Ba người con của ông bà đã trưởng thành và có đủ điều kiện lao động nuôi sống bản thân. Khi những người con đã trưởng thành thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn không khắc phục được nên dẫn đến ly thân đã hơn 05 năm. Mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T khởi kiện xin ly hôn bà M.

Về tài sản chung của ông bà là 03 thửa đất tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long):

- Thửa đất số 8, tờ bản đồ số 3, diện tích 369,2m^2 loại trồng cây lâu năm, do hộ ông Hà Văn T đứng quyền sử dụng đất mang số phát hành BN 466237, số vào sổ CH02729, được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/12/2014. Trong quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, ngày 13/12/2024 ông bà thỏa thuận chuyển nhượng cho anh H1 Nguyễn Minh L.

- Thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.864,5m^2 trong đó loại đất ở là 300m^2, đất trồng cây lâu năm là 1.564,5m^2 do hộ Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CI 150833, số vào sổ CS064455, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/4/2017. Ông T yêu cầu được chia đôi cho mỗi người nhận hiện vật ½ diện tích.

- Thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6.140m^2 loại trồng lúa, do Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành A 547972, số vào sổ 13148 do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/10/1991. Theo tư liệu chương trình đất đổi thành thửa 524, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.140,0m^2 loại trồng lúa. Theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy đổi thành thửa số 309, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.521,2m^2, loại trồng lúa. Trong đó ông T nhận thừa kế của cha mẹ ruột của ông T là 3.000m^2 nên ông T yêu cầu được hưởng riêng 3.000m^2 đất này. Còn lại 3.140m^2 ông T yêu cầu được chia đôi cho mỗi người nhận hiện vật ½ diện tích.

Về nợ chung của vợ chồng gồm:

- Thế chấp quyền sử dụng thửa đất số 08 vay của Quỹ tín dụng thị trấn L 160.000.000 đồng.

- Thế chấp thửa đất số 09 vay của Quỹ tín dụng thị trấn L 230.000.000 đồng.

- Nợ Võ Văn T3 25.000.000 đồng; nợ Đào Công Nhân 23.325.000 đồng; nợ Tưởng Hoàng Hiếu 60.000.000 đồng; nợ Trần Văn Đ1 2.580.000 đồng và 04 chỉ vàng 24kara.

Ông T yêu cầu chia mỗi người trả ½ số nợ.

Ông T và bà M đã thỏa thuận chuyển nhượng hết thửa đất số 8 cho anh Hà Nguyễn Minh L. Ông T rút yêu cầu chia thửa đất số 8 và rút yêu cầu chia khoảng nợ 390.000.000 đồng của Quỹ tín dụng thị trấn L. Ông T và bà M thống nhất tiếp tục chuyển nhượng thửa đất số 8 cho anh L.

Bị đơn Võ Thị M trình bày: Bà M thừa nhận mối quan hệ hôn nhân gia đình, tài sản chung giữa bà M với ông T đúng như lời trình bày của ông T. Bà M thừa nhận nợ chung là nợ Quỹ tín dụng thị trấn L 390.000.000 đồng. Bà M không đồng ý ly hôn với ông T. Trường hợp pháp luật chấp nhận cho ông T ly hôn với bà M, bà M yêu cầu mỗi người trả ½ nợ Quỹ tín dụng thị trấn L, bà M không đồng ý chi tài sản theo yêu cầu của ông T. Các khoảng nợ khác ông T gây ra, ông T tự trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Nguyễn Minh L trình bày: Ngày 13/12/2024, ông T và bà M cùng hai con chung là Hà Tránh T1 và Hà Phước T2 ký hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 8, tờ bản đồ số 3, diện tích 369,2m^2 cho anh H1 Nguyễn Minh L. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản và được Văn phòng C, thuộc tỉnh Vĩnh Long chứng nhận ngày 13/12/2024. Ông T, bà M đã nhận đủ tiền và giao đất cho anh L quản lý sử dụng. Nhưng do thửa đất số 8 còn liên quan trong vụ án hôn nhân giữa ông T và bà M nên không thực hiện được thủ tục chuyển nhượng để anh L được đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất. Anh L yêu cầu ông T và bà M tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thửa đất số 8. Trường hợp yêu cầu của anh L không được thực hiện, anh L yêu cầu ông T và bà M trả chi phí liên quan, trả số tiền nhận chuyển nhượng 300.000.000 đồng và lãi suất 3%/tháng của 300.000.000 đồng từ ngày 13/12/2024 đến ngày giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tưởng Hoàng H trình bày: Năm 2018, anh Tưởng Hoàng H cầm 2.000m^2 đất trồng lúa chiết thửa 309 của ông T và bà M với giá là 60.000.000 đồng. Hiện nay anh H đang canh tác đất. Khi nào ông T và bà M trả anh H 60.000.000 đồng, anh H sẽ trả lại đất cho ông T và bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn T3 trình bày: Anh Võ Văn T3 cùng đi cày xới đất chung với ông T. Ông T thu tiền cày xới đất quản lý hết không giao lại cho anh T3. Hiện ông T còn nợ anh T3 tiền cày xới đất là 15.000.000 đồng. Ngoài ra, ông T và bà M có mượn của anh T3 10.000.000 đồng để trả tiền mua dầu. Tổng cộng ông T và bà M nợ anh T3 25.000.000 đồng chưa trả. Anh T3 yêu cầu ông T và bà M trả 25.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ1 trình bày: Ông Trần Văn Đ1 cho ông T và con ông T là anh T1 mượn tiền và vàng nhiều lần. Hiện nay, ông T còn nợ ông Đ1 2.580.000 đồng và 04 chỉ vàng 24kara. Ông Đ1 yêu cầu ông T trả cho ông Đ1 2.580.000 đồng và 04 chỉ vàng 24kara.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đào Công Nhân đã được Tòa án thông báo hợp lệ nhiều về các phiên họp nhiều lần nhưng không hợp tác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 115/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A- Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm c khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1, 2, 3 Điều 59 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 27 của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 điểm Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Ông Hà Văn T được ly hôn với bà Võ Thị M.

- Về con chung: Có 03 người con chung tên Hà Thị Đ, sinh năm 1969; Hà Tránh T1, sinh năm 1978; Hà Phước T2, sinh năm 1983. Ba người con của ông T và bà M đều đã trưởng thành và có đủ điều kiện lao động nuôi sống bản thân.

- Về tài sản:

+ Tài sản riêng: Không chấp nhận của ông Hà Văn T về yêu cầu chia tài sản riêng đối với 3.000m^2 đất trồng lúa, chiết thửa 638 (theo bản đồ địa chính chính quy là thửa 309).

+ Tài sản chung:

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Hà Văn T về yêu cầu chia tài sản chung là thửa đất số 8, tờ bản đồ số 3, diện tích 369,2m^2, loại trồng cây lâu năm, do hộ ông Hà Văn T đúng quyền sử dụng đất mang số phát hành BN 466237, số vào số CH02729, được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày

31/12/2014 (theo tư liệu chương trình đất đổi thành thửa 524, theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy đổi thành thửa số 309).

- Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: Ông Hà Văn T và bà Võ Thị M có nghĩa vụ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh H1 Nguyễn Minh L, được ký kết ngày 13/12/2024, tại Văn phòng C, tỉnh Vĩnh Long. Thửa đất chuyển nhượng là thửa đất số 8, tờ bản đồ số 3, diện tích 369,2m^2, loại trồng cây lâu năm, do hộ ông Hà Văn T đứng quyền sử dụng đất mang số phát hành BN 466237, số vào sổ CH02729 được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 31/12/2014.

- Giao bà Võ Thị M trọn quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.864,5m^2, trong đó loại đất ở là 300m^2, đất trồng cây lâu năm là 1.564,5m^2 do hộ Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CI 150833, số vào sổ CS064455, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 21/4/2017.

Buộc bà Võ Thị M chia và giao cho ông Hà Văn T ½ giá trị thửa đất số 9 với số tiền là 96.029.100 đồng.

- Giao ông Hà Văn T trọn quyền sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6.140m^2 loại trồng lúa, do Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành A 547972, số vào sổ 13148, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 01/10/1991. Theo tư liệu chương trình đất đổi thành thửa 524, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.140,0m^2, loại trồng lúa. Theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy thành thửa số 309, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.521,2m^2, loại trồng lúa.

Buộc ông Hà Văn T chia và giao cho bà Võ Thị M ½ giá trị của thửa đất 309 với số tiền là 195.636.000 đồng.

Các thửa đất số 8, số 9, số 309 tọa lạc tại xã L, tỉnh Vĩnh Long Ông T, bà M, anh L có quyền đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất số 309, số 9, số 8 theo quy định của Luật đất đai.

Ông T, bà M có nghĩa vụ trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nợ chung, chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 11/11/2025, ông Hà Văn T có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết đối với các nội dung:

- Yêu cầu chia đôi thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1864,5m^2 tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long và thửa đất số 309 tờ bản đồ số 7, diện tích 6521,2m^2 loại đất trồng lúa ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- Ông T cần đất thổ cư để cất nhà làm chỗ ở ổn định. Đồng thời không có đền bù tiền cho bà Võ Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T trình bày giữ nguyên kháng cáo chia tài sản chung. Ông T đồng ý thỏa thuận với bà M với nội dung: ông T đồng ý chia cho bà M thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1864,5m^2 tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, bà M không phải hoàn giá trị chia thửa đất này cho ông T. Ông T đồng ý nhận thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6.140m^2 loại trồng lúa (theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy thành thửa số 309, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.521,2m^2, loại trồng lúa). Ông T không phải thanh toán giá trị chia thửa đất này cho bà M.

Bà Võ Thị M trình bày: Bà M đồng ý nhận thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1864,5m^2 tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, bà M không phải hoàn giá trị chia thửa đất này cho ông T; đồng ý chia cho thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6.140m^2 loại trồng lúa, ông T không cần phải hoàn giá trị chia thửa đất này cho bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tưởng Hoàng H trình bày: Anh có nhận cầm cố 2.000m^2 đất ruộng của ông T và bà M nhưng anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết, anh và ông T, bà M tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm số 115/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long, công nhận sự thỏa thuận của ông T và bà M về phân chia tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của ông Hà Văn T nộp trong hạn luật định phù hợp Điều 273 của Bộ luật Dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc thửa đất 368, diện tích 6.140m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/10/1991 do ông Hà Văn T đứng tên đăng ký: Tại Văn bản số 3472/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 26 tháng 7 năm 2023 cung cấp thông tin thửa đất 368, tờ bản đồ số 6 (số hiệu thửa đất có thay đổi là thửa đất 524, tờ bản đồ số 2) tọa lạc tại xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long chưa được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (bút lục 08). Căn cứ công văn 298/UBND-PKT ngày 26/9/2025 của Ủy ban nhân dân xã L, tỉnh Vĩnh Long có nội dung: Thửa đất 368, tờ bản đồ số 6, diện tích 6140m^2 loại đất 2 lúa do ông Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo bản đồ chính quy là thửa 309, tờ bản đồ 96 (07) diện tích 6521,2m^2 loại đất trồng lúa tọa lạc tại xã L, tỉnh Vĩnh Long (bút lục 179).

[2.2] Ông T cho rằng thửa đất 368, diện tích 6140m^2 ông T được cha mẹ ruột tặng cho 3.000m^2 tuy nhiên ông T cũng thừa nhận toàn bộ diện tích trên ông và bà M trực tiếp canh tác từ trước đến nay tạo nguồn thu nhập cho sinh hoạt gia đình, ông T không có căn cứ chứng minh thửa đất trên có 3.000m^2 là tài sản ông được tặng cho riêng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ thửa đất 368 (theo chương trình đất chính quy là thửa 309) là tài sản chung của vợ chồng ông T, bà M là phù hợp quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Đối với thửa đất số 09, diện tích 1.864,5m^2 loại đất ONT+CLN, ông T và bà M đều thừa nhận thửa đất này là tài sản chung vợ chồng của ông T và bà M nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất này là tài sản chung của vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và bà M thỏa thuận: Chia cho ông T thửa đất 368, tờ bản đồ số 6, diện tích 6.140m^2 loại đất 2 lúa (theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy thành thửa số 309, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.521,2m^2, loại trồng lúa). Ông T không phải thanh toán giá trị chia thửa đất này cho bà M. Chia cho bà M thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1864,5m^2 loại đất ONT+CLN, tọa lạc tại ấp A, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, bà M không phải hoàn giá trị chia thửa đất này cho ông T.

[4] Xét thấy, sự thỏa thuận của ông T và bà M là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng

xét xử thống nhất công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa án Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn T và bà Võ Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm do thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Ông T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phù hợp với quy định pháp luật và nhận định trên nên có căn cứ chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hôn nhân, con chung, tài sản chung thuộc thửa đất số 8; nợ chung và án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Văn T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 115/2025/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực A-Vĩnh Long. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Hà Văn T và bà Võ Thị M về tài sản chung như sau:

- Chia cho bà Võ Thị M được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 9, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.864,5m^2, trong đó loại đất ở là 300m^2, đất trồng cây lâu năm là 1.564,5m^2, do hộ Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành CI 150833, số vào sổ CS064455, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 21/4/2017. Bà M không phải hoàn giá trị phân chia thửa đất này cho ông Hà Văn T.

- Chia cho ông Hà Văn T được quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 368, tờ bản đồ số 6, diện tích là 6.140m^2 loại trồng lúa, do Hà Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang số phát hành A

547972, số vào số 13148, do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày đổi 01/10/1991 (Theo tư liệu chương trình đất đổi thành thửa 524, tờ bản đồ số 06, diện tích 6.140,0m^2, loại trồng lúa. Theo tư liệu bản đồ địa chính chính quy ghi nhận thành thửa số 309, tờ bản đồ số 07, diện tích 6.521,2m^2, loại trồng lúa). Ông T không phải hoàn giá trị phân chia thửa đất này cho bà Võ Thị M.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai.

2. Về án phí dân sự:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn T và bà Võ Thị M được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm: Ông Hà Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hôn nhân, con chung, tài sản chung thuộc thửa đất số 8, nợ chung và án phí, chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT III TATC;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng GĐ,KT,TT&THA TAND TVL;
- TAND khu vực A - Vĩnh Long;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Thị Mỹ Dung